

KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG QUYỂN HẠ

Bấy giờ, hai vạn hai ngàn Bồ-tát đồng cất tiếng:

–Chúng con mong muốn cùng với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi dự hội.

Lập tức toàn thể số Bồ-tát kia cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lên đường, thoáng chốc là đến một địa điểm thuộc cõi Sa-ha, tất cả đều an tọa. Nơi đây được gọi là Thất trung, vì khả năng dung nạp do oai thần của Bồ-tát ấy. Sau khi tất cả cùng ngồi rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp, pháp ấy gọi là Đà-lân-ni.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với các Bồ-tát:

–Bất cứ pháp nào có thể nhận biết thì gọi là Đà-lân-ni, vì thế nên hiểu rõ tất cả các pháp. Ý nghĩa của Đà-lân-ni là không chỗ mong cầu. Chỗ tạo tác không có sai khác, có ý niệm liền đầy đủ, chỗ hiểu biết đúng như trí tuệ. Pháp Đà-lân-ni biết rõ tất cả cội nguồn của sự vật. Ngôn ngữ của Đà-lân-ni như chân lý, tự gìn giữ không thoái đọa vì diệu dụng của nó là hướng thượng đều chứng nhập các pháp hành. Đà-lân-ni là đầu nguồn của đạo, không cắt đứt nguồn cội nơi Phật, là nguồn nắm giữ pháp, là đầu nguồn của Tổng trì nơi Tăng. Với các pháp không sợ người hỏi, tức là khả năng biết đối đáp, trước đám đông không khiếp sợ. Vì sao? Vì không có điều gì phải sợ hãi. Muốn giáo hóa chư Thiên thì tùy theo ý muốn của trời mà chỉ dạy, khiến mỗi mỗi được hiểu biết. Các loài Rồng, Dạ-xoa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hư-lặc, Nhân phi nhân và Thích, Phạm cũng vậy. Xuống nữa là tất cả các loài côn trùng, các loài chim thú, mỗi mỗi loài đều biết được và tùy theo ý muốn của các loài mà giáo hóa, khiến được như ý đều hiểu rõ có công đức hay không có công đức.

Biết hết chỗ hành chỗ trụ của mọi người khiến tâm mình vững vàng như đại địa. Đối với thế gian không chạy theo tám việc, trong đó có chỗ nào tạo công đức thì thuận làm. Với đạo không rời sự chỉ bày, soi sáng, với người thì tùy theo chỗ vui của họ mà khiến cho tất cả đều nhờ ân. Nơi đâu làm cho giới hiện thực thì khiến cho tất cả đều ở trong giới. Trí tuệ không chỗ nào là không tỏ ngộ khắp, là chỗ coi trọng của tất cả, vì thế mà không cho đó là sự nhọc nhằn, khổ sở. Tâm không có khác với pháp, biết nó là cái gốc giáo hóa của mình. Vâng theo sự giáo hóa ấy, thường đem pháp bố thí, không bao giờ chán. Việc thuyết pháp không kỳ vọng phải được, pháp kia lại không đoạn chỗ thiện căn bản nơi Bồ-tát. Vì sao? Vì lấy tinh tấn để nuôi dưỡng thành quyết tâm. Bố thí không cho là đầy đủ vì đây là diệu dụng của Nhất thiết trí. Đem lại giới mà không coi đó là đầy đủ. Vì sao? Vì cung kính tất cả mọi người. Nhẫn nhục mà không cho là đầy đủ vì là phương tiện đạt đến thân Phật. Lấy tinh tấn mà không cho là đầy đủ vì các công đức được tập hợp. Đem lại Thiên mà không cho là đầy đủ vì không có chỗ mong cầu. Đem lại Tuệ mà không chán đủ. Vì sao? Vì không chỗ nào là không niệm. Lấy pháp làm phước đức tự mình dựa vào đó để sống còn. Tất cả không chỗ do dự. Kẻ nào hành trì như vậy đó là Đà-lân-ni.

Đà-lân-ni, chính là sự tổng trì tất cả các pháp. Sao gọi là trì? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô dục, không chỗ vướng mắc, không chỗ thấy. Do sự nắm giữ này mà

không chỗ sinh, không chỗ tạo, là pháp làm nên sự nắm giữ ấy. Cũng không đến, cũng không đi, cũng không trụ, cũng không loạn, cũng không khởi, cũng không hoại, cũng không chỗ nắm, cũng không chỗ giữ. Với nẻo thoát không có tướng chấp về thoát, cũng không chỗ trụ, cũng không phải trụ, cũng không ta, cũng không ngã, cũng không thọ mạng, cũng không người, cũng không chỗ chấp, cũng không bỏ, cũng không thật, cũng không dối, cũng không chỗ nghe, cũng không chỗ thấy, cũng như hư không, không chỗ xưng gọi, cũng không chỗ xúc chạm, cũng không chỗ nhận biết, luôn nắm giữ tất cả các pháp nên gọi là Đà-lân-ni.

Lại có Đà-lân-ni nắm giữ các pháp như huyễn ảo, giống như mộng, như dợn nắng, như bọt nước tụ, như bọt nước nổi giống như biến hóa đều nắm giữ các pháp, nên gọi là Đà-lân-ni. Lại có Đà-lân-ni, lấy vô thường nắm giữ các pháp, hoặc chỗ thấy vô ngã mà vắng lặng. Các pháp căn bản đều thoát ra từ Đà-lân-ni này. Với pháp không chỗ tranh, cũng không thoái đọa cũng không kỳ hẹn. Do nắm giữ tất cả các pháp ấy, nên gọi là Đà-lân-ni. Hoặc giống như đất không nơi đâu là không gìn giữ, không coi sự nắm giữ ấy là điều cần kíp. Bồ-tát lấy Đà-lân-ni đạt được làm cái gốc cho tất cả. Mọi công đức tạo ra được từ a-tăng-kỳ kiếp đều có thể hợp chung lại mà phát ra Nhất thiết trí. Tâm không đâu không nắm giữ, cũng không buông bỏ, cũng không cho đó là điều phiền hà. Vì sao? Vì như đất là nơi nâng đỡ mọi vật. Bồ-tát lấy Đà-lân-ni đạt được làm lợi ích cho tất cả. Nếu như cây cối, vạn vật do đất mà sinh trưởng thì Bồ-tát đem Đà-lân-ni đạt được để sinh ra tất cả các pháp công đức. Hoặc giống như đất cũng không động, cũng không lay, cũng không chỗ thích, cũng không chỗ ghét, hoặc giống như đất nhận hết cả nước mưa nhưng cũng không chán dứt.

Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên tất cả chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật đều hỏi pháp cũng không chán đủ. Vì tất cả thuyết pháp cho đến tận cùng cũng chẳng cho là nhiều. Hoặc giống như đất, hàm dưỡng các hạt giống, gặp lúc đủ duyên thì đều được mọc lên. Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên đều hàm dưỡng các hạt giống pháp công đức, tồn tại theo thời gian. Đúng thời, các pháp liền hội đủ, cho đến ngôi nơi cây Phật mà không rời Nhất thiết trí. Bồ-tát đã đắc chứng Đà-lân-ni thì vững mạnh như vị tướng, trong binh không ai là không tuân phục, Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên ngôi nơi cội cây Bồ-đề hàng phục chúng ma, cho nên gọi là Đà-lân-ni.

Lại có Đà-lân-ni, với các pháp không nơi nắm giữ. Vì sao? Vì đối với hữu thường, vô thường, cũng không vui, cũng không khổ, có thân, không có thân, không có người, không có thường, tất cả các pháp đều không chỗ nắm giữ. Vì sao? Vì không có hai tâm. Hoặc giống như đất không nắm giữ hư không. Đà-lân-ni, không chỗ nắm giữ tất cả các pháp, giống như hư không, không nắm giữ cái có sở hữu. Đà-lân-ni, với các pháp cũng không nắm giữ pháp nào, giống như nước không giữ lấy các cấu bẩn. Đà-lân-ni với các pháp cũng không nắm giữ pháp nào. Vì giống như có nơi đến mà không có nơi chốn nào để đến, vì Đà-lân-ni không nắm giữ nơi chốn. Đà-lân-ni ấy không thể tận cùng, không có tận cùng, không thể lường xét nên không chỗ nào là không chứng ngộ. Không chỗ nào là không chứng ngộ cho nên cương giới của nó là rộng lặng. Đà-lân-ni cùng với hư không giống nhau.

Khi thuyết giảng pháp Đà-lân-ni, có năm trăm Bồ-tát đều chứng pháp Đà-lân-ni.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vào canh hai giảng thuyết về Bồ-tát tạng, các pháp chẳng pháp nào là không từ đây xuất phát. Hoặc pháp công đức, hoặc pháp không công đức, hoặc tục, hoặc đạo, hoặc có tội, hoặc không có tội, hoặc còn lại, hoặc không còn lại,

hoặc thoát, hoặc không thoát, tất cả đều vào hết tạng này. Vì sao? Vì là diệu dụng của các pháp, vì không chỗ nào là không chứng đắc, giống như cội tam thiên đại thiên hàm nhận trăm ức cội nước, trăm ức trời, trăm ức núi Tu-di, trăm ức biển lớn vào hết nơi tam thiên đại thiên. Cũng không pháp phạm, cũng không pháp đạo đều vào hết trong tạng Bồ-tát. Pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, hoặc pháp Bồ-tát cũng vào hết trong tạng ấy. Vì sao? Vì đều tổng trì các hành, nắm giữ hành nơi Thanh văn, nắm giữ Bích-chi-phật, nắm giữ Bồ-tát, giống như rễ của cây kia đâm sâu, cắm chặt vào đất thì gốc, cành, nhánh lá hoa, quả của nó đều tươi tốt. Bồ-tát tạng không chỗ nào là không nắm giữ, không chỗ nào là không thành. Tất cả đã nắm giữ các pháp công đức thì đều nắm giữ tâm của Nhất thiết trí. Bồ-tát tạng kia, như là vật dụng đựng thì tên gọi của nó là vật nhận vô số, giống như biển chứa nhận các thứ nước, nhận các châu báu. Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc vây bọc khắp trong biển này, vì tất cả, biển tạo ra các thứ báu kia. Tạng Bồ-tát, nhân duyên của nó là vô kể cũng như biển ấy, nhận vô số giới, là nơi thấy, nghe Tam-muội, trí tuệ. Nó là vật đựng thì thâm nhận không sót một thứ gì theo chỗ nhận thấy nên gọi là tạng Bồ-tát. Hoặc giống như biển, đã sinh đến đó là không còn uống nước khác. Vì sao? Vì đều do biển. Kẻ nào đang là tạng này thì đều là do pháp ấy, không ở bên ngoài đạo. Vì sao? Vì nhận hết pháp vị nơi Nhất thiết trí. Nên gọi là Bồ-tát tạng. Tạng ở đây gồm ba. Ba tạng ấy là gì? Là Thanh văn tạng, Bích-chi-phật tạng và Bồ-tát tạng:

Thanh văn tạng là vì nghe pháp từ người khác. Vì sao? Vì nghe âm thanh ấy.

Bích-chi-phật tạng là vì duyên vào mười hai nhân duyên. Do nhân duyên hết mà đạt đến quả vị Phật Bích-chi.

Bồ-tát tạng là thấu đạt vô số pháp mà tự nhiên đưa đến thành Phật. Còn với hàng Thanh văn hay Bích-chi-phật thì ba tạng kia Thanh văn hay Bích-chi-phật không thể có được. Khi thuyết giảng pháp này thì ba tạng kia mỗi tạng đều đạt được như sở hành. Vì sao? Vì khi nói lên điều này thì Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát mỗi hàng đều chứng đắc nẻo hành của mình, nên gọi là ba tạng. Ai đạt được pháp Bồ-tát là liền được ba tạng. Vì sao? Vì Thanh văn, Bích-chi-phật không xa rời pháp của Phật.

Lại có ba tạng học. Sao gọi là ba tạng? Vì có Thanh văn học, có Bích-chi-phật học, có Bồ-tát học.

Thanh văn học thì cái dụng có hạn độ, vì chỉ tạo sự sáng suốt cho mình.

Bích-chi-phật học thì gọi là các học bậc trung, vì không có lòng thương rộng lớn.

Bồ-tát pháp thì nhập vào pháp thân không thể đo lường do diệu dụng là tâm Từ rộng lớn.

Thanh văn thì không học việc Bích-chi-phật, cũng không rõ việc Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật không học việc Bồ-tát, cũng không rõ việc của Bồ-tát.

Bồ-tát thì biết rõ chỗ học của Thanh văn mà không lấy đó làm vui. Không có chỗ mong cầu ở trong đó, cũng không ở trong đó mà cầu giải thoát. Bồ-tát cũng biết chỗ học của Bích-chi-phật, không lấy đó làm vui cũng không ở trong đấy mà cầu giải thoát, biết chỗ tu học của Bồ-tát, biết vui với cái học của mình tự chăm lo niềm vui, phải ở trong nhân này để được giải thoát, chỉ bày cho Thanh văn mà thị hiện, đem hạnh Bồ-tát giáo hóa họ. Bồ-tát đối với Bích-chi-phật cũng như thế, nên gọi là Bồ-tát tạng.

Giống như dùng vật đựng nhận lưu ly. Vì diệu dụng của lưu ly nên đồ đựng kia cũng tạo ra được màu sắc của lưu ly. Bồ-tát do đạt chứng nơi tạng, do chỗ thấy các pháp không xa rời Phật, Bồ-tát vì đạt đến tạng mà các pháp được thấy đều thấy ở nơi

pháp Phật. Bồ-tát, các pháp đều học, không chỗ nào là không học. Vì sao? Vì chỗ nhận thức lãnh hội không có khác, các pháp đều chứng như Phật chứng. Tạng Bồ-tát thì văn tự để giáo hóa là vô số, không có chỗ để lường tính. Vì sao? Vì không tăng, giảm, là sự quang minh không thể luận bàn, là ánh sáng đều chiếu vào tối tăm, là chỗ tạo ra có nhân từ, lợi lạc không có điểm cùng. Chứng được Nhất thiết trí thì không nơi đâu là không tỏ ngộ. Ai học cái học này mới gọi là học, vì đều chứng ngộ tạng, chứng nhập Ma-ha-nhã-na. Ma-ha-nhã-na là Tuệ vô cực. Người chứng, người chưa chứng, do tuệ kia mà chứng được nó.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì các Bồ-tát, sau khi thuyết giảng về tạng rồi thì lại đối với ba nơi ấy nêu giảng về Bất thoái chuyển nơi luân Kim cang hành. Khi nêu bày vấn đề này, chúng hội nghe đều chứng đạt sự việc ấy. Pháp luân kia cũng không có chỗ vận hành. Bất thoái chuyển vận hành thì không có chỗ mong cầu, tâm Bồ-tát đối với tất cả không hề có khác. Vì sao? Vì không niệm thiện ác, lấy tâm bình đẳng, mà học pháp, nhìn thấy các cõi Phật, cũng lại nhìn thấy sự bình đẳng không vướng mắc vào cái tốt, xấu kia, do chư Phật bình đẳng không sai khác. Bánh xe kia không chỗ nào là không lăn vào khắp. Vì sao? Vì không làm hoại Pháp thân, vì thế nên là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này không đoạn tuyệt với nơi chỗ nào. Vì sao? Vì không hai tâm. Pháp luân này là chỗ thấy như thật, vì sao? Vì do Pháp luân mà đạt đến Phật, nên gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Những ai đi theo pháp luân Bất thoái chuyển thì đều thoát ra khỏi các tướng chấp. Những ai tin pháp luân ấy thì đều sẽ được chứng quả như Phật, vì không dùng hai việc. Từ một việc thoát ra khỏi chỗ thoát, Như Lai là chỗ làm nhân, thoát ra khỏi chỗ thoát kia thì vô tướng, không còn tướng. Do vậy, các pháp có tướng chấp kia thì không có giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát ấy không có hai. Vì sao? Vì không có thân, miệng, ý. Vì sao? Vì chỗ thoát kia cũng không từ thân, miệng, ý nên gọi là giải thoát. Thực hiện điều ấy thì tự mình lấy đó làm theo mà không theo người khác, nên gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này không chuyển sắc. Vì sao? Vì sắc kia là tự nhiên. Thọ, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không chuyển. Vì sao? Vì do thức là tự nhiên. Tất cả các pháp cũng không chuyển. Vì sao? Vì Pháp thân không chuyển pháp, nên đây gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này chỗ chứng ngộ là không có biên vực. Vì sao? Vì không còn sự đoạn tuyệt. Pháp luân này cũng không có chỗ vướng mắc, cũng không có đoạn dứt. Vì sao? Vì pháp luân kia không có cửa. Vì sao? Vì không hai tâm. Bánh xe của chân đế cũng không chuyển. Vì sao? Vì không thể thuyết minh. Bánh xe pháp này cũng không có thể thấu hiểu. Vì sao? Vì tiếng của pháp luân cũng không có thì làm sao thấy được hình ảnh của nó? Vậy nên chân lý nơi pháp luân do rộng lặng nên có thể dẫn về chỗ giải thoát mà không thể đạt tới. Ví như hư không thì chẳng nơi đâu là không có mặt. Vì sao? Vì bất cứ nơi nào nó cũng thâm nhập. Do trên căn bản “không” là diệu dụng của giải thoát. Pháp luân Bất thoái chuyển cũng có thể đi, cũng có thể bước. Sao gọi là đi, sao gọi là bước? Vì như mũi dùi kim cương xuyên thủng được các thứ ngọc ngà châu báu... Vì sao bảo có thể dùng dùi xuyên thủng các pháp kia? Vì giống như dùng dùi hư không xuyên thủng tất cả. Do vậy, nên gọi là pháp, là không chốn tướng, nên là kim cương. Vì sao? Vì nó khoan thủng tất cả các chốn mong cầu. Vô nguyện thì sánh như khoan kim cương xuyên thủng các chỗ chưa giải thoát khiến chúng được giải thoát. Pháp thân thì sánh như kim cương, các chỗ tán loạn thì theo như lý hư không mà giải thoát nó. Như Lai thì như kim cương đều xuyên thủng cái không sở hữu, giải thoát

kia như kim cương siêu việt mọi thứ không giải thoát. Nê-hoàn thì thấy rõ các pháp tự nhiên.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì các Bồ-tát, thuyết giảng về pháp luân Bất thoái chuyển này khiến Bồ-tát đều chứng đắc Tam-muội La-tỳ-câu-tốc (theo Hán thì gọi là *Phật quang minh hoa*). Được Tam-muội này rồi, mỗi sợi lông nơi thân các Bồ-tát kia đều phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng, nơi ánh sáng ấy đều có trong trăm ngàn ức vị Phật ngồi. Tất cả chư Phật, mỗi mỗi vị đi đến phương khác, ở đâu cầu Phật đạo thì đến đó để giáo hóa.

Sáng sớm ấy, vua A-xà-thế sai sứ giả đến nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Xin thương xót! Đã đến giờ xin Bồ-tát cùng chư vị hạ cố đến.

Khi ấy, Ma-ha Ca-diếp cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều muốn vào thành để khát thực. Mới đi được nửa đường nghĩ còn sớm nên lại quay về. Trên đường về, Ma-ha Ca-diếp cùng với Tỳ-kheo ghé qua chỗ đón của Văn-thù-sư-lợi. Đến nơi, tất cả đều đứng ngoài cửa. Văn-thù-sư-lợi hỏi Ma-ha Ca-diếp:

–Hiện còn sớm Tôn giả muốn đến chỗ nào?

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Muốn đi khát thực.

Văn-thù lại nói với Ma-ha Ca-diếp:

–Nay tôi với Tôn giả cùng khát thực.

Ma-ha Ca-diếp bảo:

–Đã đầy đủ lễ là cúng dường rồi. Vì sao? Vì pháp mà đến, chứ không phải để ăn.

Văn-thù-sư-lợi bảo Ma-ha Ca-diếp và các Tỳ-kheo:

–Vì pháp thì phải tề tựu hết về đó và cũng còn thọ trai nữa. Vì sao? Vì hiện pháp kia không mất và cũng không làm mất việc thọ trai ấy. Hợp cả hai làm một.

Ma-ha Ca-diếp bảo:

–Chúng ta luôn phải nhẫn, không vì thọ trai mà chỉ vì nghe pháp. Vì sao? Vì cả hai đều là các pháp sâu xa luôn đi liền với sự nghe ấy.

Ma-ha Ca-diếp lại hỏi:

–Hôm nay cùng với chư Đại Bồ-tát dự hội để thọ trai?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Hiện nơi cúng dường thọ trai, người kia cũng không thoát ly sinh tử, cũng không chứng nhập Nê-hoàn, cũng không vượt khỏi điều ham muốn, cũng không do đạo mà chứng, nơi cúng trai kia cũng không chỗ tăng, cũng không chỗ giảm, cũng đối với các pháp không chỗ nắm giữ, cũng không xả bỏ.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Ai làm việc bố thí này thì việc bố thí ấy là không giới hạn?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Vâng, nhận lời mời của nơi ấy.

Văn-thù-sư-lợi tự nghĩ:

–Nay phải vào thành, việc làm thì phải tạo sự cảm động như Phật. Khi niệm ấy hình thành thì liền được Tam-muội Vô sở bất cảm động. Liền khi ấy cõi Sa-ha bằng phẳng như tấm gương. Các gò, đống, núi non tất cả đều không hiện ra. Ánh sáng không nơi đâu là không tiếp đến. Nơi địa ngục Nê-lê khổ não thì bao nỗi thống khổ kia được tiêu trừ, tất cả đều được an ổn. Còn ở cõi này, mọi người trong lúc ấy đều không dâm, nộ, si, cũng không có tâm ghen ghét, không tự cao, tự đại cũng không dấy khởi ý.

Bấy giờ mọi người đều có tâm Từ, xem nhau như cha, mẹ. Trong lúc ấy nơi đây hiện sáu cách chấn động. Các Thiên tử nơi cõi Dục, các Thiên tử nơi cõi Sắc dùng trăm thứ kỹ nhạc để cúng dường Văn-thù-sư-lợi, gồm cả hoa trời mưa xuống rơi khắp trên người Văn-thù, mưa hoa theo Văn-thù-sư-lợi đến tận chỗ dừng lại. Thế là đến cửa thành, ở đây được trang hoàng hết sức trang nghiêm tận cùng các ngõ ngách. Lấy các loại hoa kết giăng đan chéo khiến hai bên đường đi đẹp hẳn lên, lấy loài hoa đặc biệt nổi tiếng rải đều lên đất nơi Văn-thù đi qua. Còn ở bên trên không gian ấy là màn, trướng, lọng che, được làm bằng các thứ báu tốt nhất. Con đường này rộng sáu trượng ba thước, có lan can suốt hai bên. Dùng các loại hoa báu làm cây, cách khoảng sắp thành hàng bên đường, lấy báu làm dây buộc liền vào các cây, lần lượt kết nối nhau. Mỗi cây này, hương tỏa khắp bốn mặt, mùi thơm bốn mươi dặm còn nghe. Giữa hai cây, biến hóa có ao nước, chung quanh bờ ao là các thứ báu dùng để ngăn che, lấy lưu ly điểm xuyên trang hoàng. Cát trong ao nước đều là vàng. Nước nơi ao có tám vị. Các loại hoa đều sinh ra từ ao này, giữa ao có các loài chim le, nhạn, uyên ương... đuổi nhau đùa giỡn. Dưới mỗi mỗi cây đều có rễ nổi lên bên trên, có giá đỡ bằng các thứ châu báu. Trên giá ấy đều đặt lò hương làm bằng ngọc quý, dùng các danh hương để đốt. Cứ mỗi một giá ấy là một trăm người nữ xinh đẹp dùng hoa sen đựng danh hương chiên-đàn đưa lên. Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện ra Tam-muội ấy thì oai thần của Tam-muội biến hóa khắp nơi nơi.

Văn-thù-sư-lợi từ tòa ngồi đứng dậy chĩnh lại y phục rồi bảo Ma-ha Ca-diếp:

–Ông đi trước ta theo sau. Vì sao? Vì kính bậc cao niên lại ở nơi pháp Phật làm Sa-môn trước ta do vậy nên phải đi trước.

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Pháp kia không có trước, sau, không so tính tuổi tác mà có tôn ty.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thế nào gọi là kính lão?

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Trí tuệ là tôn kính. Học vấn rộng nhiều gọi là tôn kính. Làm tròn việc mình đang làm thì đấy là tôn kính. Biết được hết nẻo hành của mọi người thì đấy là tôn kính.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Văn-thù-sư-lợi cũng có trí tuệ, học vấn đầy đủ, làm tròn việc mình đang làm, hiểu rõ nẻo hành của mọi người, do vậy phải là bậc tôn kính.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Nay bằng vào tuổi tác thì cũng là bậc lớn, cũng lại là bậc đáng tôn kính, nên phải đi trước, tôi xin hoan hỷ đi theo sau. Nay xin đem ví dụ để làm rõ, chỉ mong được lắng nghe: Ví như sư tử con, gan dạ, khí lực, sức mạnh của nó không như sư tử lớn, dù nhỏ song nhờ hơi sư tử lớn, nên các loài cầm thú nghe được sư tử ấy thì loài nào là không khiếp sợ? Giống như voi lớn lại có sáu ngà, tuổi của voi là sáu mươi. Nếu người dùng da thuộc làm dây để buộc voi lớn kia với dây da thuộc của sư tử con. Voi lớn nghe mùi dây da ấy là cấm đầu chạy vào núi. Tuy Bồ-tát phát tâm mà chưa thành tựu uy lực, song chẳng phải là sức mạnh của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đang có được. Chúng ma, chẳng có ma nào là không kinh động, sợ hãi rút lui. Sư tử con ấy thấy sư tử lớn là nó kêu rống lên, có chỗ để cho nó tác oai, tâm nó không hốt hoảng cũng không sợ hãi vội vàng. Vì sao? Vì lại bội phần vui mừng. Hiện được như vậy là Bồ-tát gặp Phật, có việc làm để Bồ-tát làm, tâm Bồ-tát không hoảng hốt, cũng không khiếp sợ. Vì sao? Vì bội

phần hoan hỷ. Nay ta bước đi thì cũng phải như vậy.

Xá-lợi-phất nói:

–Muốn so lường chỗ tôn kính, hoặc là Thanh văn, hoặc là Bích-chi-phật, việc phát tâm kia phải là tâm Bồ-tát thì đấy là chỗ kính trọng. Vì sao? Vì người ấy có chỗ mong cầu đều từ tâm Bồ-tát đấy khởi.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Cho nên Văn-thù-sư-lợi chính là bậc được tôn kính, luôn luôn phải đi trước, chúng tôi theo sau.

Văn-thù-sư-lợi bèn phải đi trước, các Bồ-tát đi tiếp, sau nữa là các Thanh văn tháp tùng, đều theo người dẫn đường. Trời làm mưa hoa, đất hiện sáu cách chấn động, chư Thiên trên không dùng kỹ nhạc để giúp vui. Vào lúc ấy, ánh sáng tràn ngập khắp nơi. Đến thành La-duyệt-kỳ, nhưng đoàn chưa vào cửa thành. Vua A-xà-thế hay tin Văn-thù-sư-lợi tới sớm, theo sau là Bồ-tát có đến hai vạn hai ngàn năm trăm vị, còn Tỳ-kheo là năm trăm người cùng đến dự hội. Nhà vua tự nghĩ: “Ta cho làm đủ số năm trăm người, nay phải làm sao để giải quyết. Phải ngồi vào chỗ nào cho đủ?”

Lúc này, Thiên vương tên là Hưu Tức Tâm cùng Tôn Duyệt-xoa tên là Kim Cang Tỳ và đầy đủ đám tùy tùng cùng đến tương kiến với vua A-xà-thế, nói:

–Chớ khiếp, xin chớ lo ngại, đừng cho đó là khó.

Nhà vua liền hỏi:

–Phải làm như thế nào đây? Mà không coi đó là khó?

Vị kia bảo:

–Văn-thù-sư-lợi đã tạo phương tiện quyền xảo nơi trí Tuệ vô cực, do công đức đầy đủ sự quang minh mà đến. Thần túc công đức, do thần túc ấy mà một bát cơm của Văn-thù-sư-lợi có cả tam thiên đại thiên thế giới người ăn, uống, thấy đều no đủ nhưng thức ăn kia không bao giờ hết. Hai vạn ba ngàn vị này có gì đáng lo? Cho nên đừng coi đó là việc khó khăn. Vì sao? Vì hiện giờ mọi việc đều đã đầy đủ tất cả. Văn-thù-sư-lợi với chỗ công đức kia là vô cùng tôn quý, nên không thể cùng tận được hết.

Vua A-xà-thế, lúc ấy rất vui mừng, tâm vua hết mực hoan hỷ, niềm vui bội phần, vua liền chỉ dẫn dùng kỹ nhạc, cầm hương hoa đưa lên, đích thân đi ra đón tiếp Văn-thù-sư-lợi... thỉnh tất cả đoàn vào cung. Khi ấy, trong hàng Bồ-tát có một vị tên là Phổ Thị Tất Kiến, được Văn-thù-sư-lợi ban cho pháp Tam-ma-đà-a-lâu-nậu-đà khiến sửa sang nghiêm chỉnh chỗ hội để có thể dung chứa người đến. Bồ-tát này nhận lời dạy. Ngay khi ấy, bốn mặt, Bồ-tát ngắm nhìn thì cũng là lúc tất cả đã bày biện xong. Cũng ở trong chúng hội có Bồ-tát tên là Pháp Lai, được Văn-thù ra lệnh phải có đủ giường và tòa ngồi. Lập tức Bồ-tát này nhận lời dạy và chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay là có ngay hai vạn ba ngàn giường, tòa ngồi, được trải lên trên đó các loại gấm vóc, the lụa gồm vô số màu sắc đẹp đẽ khác lạ so với màu sắc thông thường của sự vật.

Văn-thù-sư-lợi và các Bồ-tát, Thanh văn tất cả đều ngồi vào tòa ngồi. Vua A-xà-thế đến trước bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Vật phẩm dùng để cúng dường là quá ít, xin đợi cho chốc lát, để được bày biện cúng dường đầy đủ chư vị.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Thức ăn làm rồi có thể tự đầy đủ, chớ bận tâm.

Thiên vương Duy Sa-môn cùng với đám quyến thuộc đi theo, tất cả đến để yết kiến, đều cung kính hầu hạ hai bên. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân cùng với đại phu

nhân tên là Thủ-da và các Thiên nữ, tất cả cầm danh hương cúng dường, tung lên chõ Văn-thù-sư-lợi và chũr Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng. Chũr Bồ-tát, cũng không vì Thiên nữ, cũng không vì kỹ nhạc, cũng không vì hoa hương mà tâm có sự chuyển động. Phạm thiên lại tự hóa mình làm thiếu niên Bà-la-môn cực kỳ đẹp đẽ đoan nghiêm cầm quạt đứng bên phải Văn-thù-sư-lợi để quạt hầu. Các Phạm thiên tử cũng đều cung kính đứng hầu. Chũr Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng thì đứng ở bên trái Văn-thù. Long vương A-nậu-đạt ở trên hư không nơi hội chúng này nhưng không ai nhìn thấy, cầm chuỗi hạt châu rữ xuống như tấm phướn. Từ râu chuỗi hạt châu nước rơi xuống, nước có tám vị. Để cho việc đang làm đúng theo điều mong muốn thì dùng nước này. Văn-thù-sư-lợi và chũr vị Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng, người người trước mặt đều có chuỗi hạt châu rữ xuống, nước từ trong ấy chảy ra cung cấp đầy đủ chỗ cần dùng.

Vua A-xà-thế lại nghĩ: “Các Bồ-tát đến dự hội mà không mang bát theo, nay phải lấy đồ dùng gì mà ăn?”

Văn-thù-sư-lợi biết được ý nghĩ này của vua liền nói:

–Bồ-tát tuy không mang theo bát nhưng ở chỗ thọ thực suy niệm về bát thì từ cõi kia bát liền tự đến trong tay của Bồ-tát ấy.

Vua A-xà-thế hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Chũr Bồ-tát này đều từ cõi nào đến đây? Tên hiệu của vị Phật nơi cõi ấy là gì?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Cõi ấy có tên là Sa-đà-duy-cù-trà. Phật nơi cõi đó hiệu là Duy-thủ-đà-thi-lợi. Từ trú xứ ấy các Bồ-tát đến đây để thọ trai các pháp vị nhân từ. Vì sao? Vì xưa nay muốn nghe pháp, luôn có chỗ hồ nghi về lòng nhân từ.

Các Bồ-tát bèn niệm bát, ngay lúc ấy bát lại bay lên, đến ao A-nậu-đạt, theo hàng lớp bát tự làm đầy nước ao để rửa sạch. Các thể nữ rồng xinh đẹp, đồng loạt từ dưới ao trồi lên cầm lấy hai vạn ba ngàn bát đến trao cho các Bồ-tát của cõi Cù-tra, mỗi vị, mỗi vị bát đặt vào trong tay. Vua A-xà-thế đứng hầu Văn-thù-sư-lợi. Văn-thù-sư-lợi liền bảo nhà vua phân phối cơm và đồ ăn. Vua đích thân làm công việc ấy, song thức ăn kia đều không với, vẫn như cũ. Vua A-xà-thế lại bạch:

–Thức ăn kia đã phân đều khắp, không chỗ nào thiếu, ấy vậy lại vẫn như cũ.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Thức ăn hết chẳng?

Nhà vua liền đáp:

–Không hết.

Sở dĩ chưa hết là do vì vua còn mõi nghi.

Chũr Bồ-tát ăn cơm xong, cầm bát ném lên hư không, bát sắp hàng mà đứng yên không rơi xuống đất, cũng không lay động.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Bát này tại sao đứng yên, trụ và tựa vào đâu?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Chỗ trụ của bát này như chỗ trụ nơi sự hồ nghi của nhà vua.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Bát này cũng không có chỗ trụ là nơi chốn, cũng không ở trên đất, cũng không có chỗ dựa, cũng không có xứ sở sao?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như nổi hồ nghi của vua, cũng không có chỗ trụ. Các pháp cũng như bát, không

chỗ trụ, không chỗ rớt xuống.

Việc thợ trai đã xong, vua A-xà-thế liền lấy một chiếc ghế ngồi trước Văn-thù-sư-lợi, bạch:

–Xin giải cho mối hồ nghi của con.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dù nhiều như cát sông Hằng, Phật cũng không thể vì thế mà nói rõ hồ nghi ấy.

Vua A-xà-thế bây giờ với nỗi khiếp sợ, từ ghế ngã xuống đất, như cây lớn bị sụp đất ngã nhào.

Ma-ha Ca-diếp bảo vua A-xà-thế:

–Chớ nên sợ hãi. Vì sao? Vì Văn-thù-sư-lợi đã chứng đạt phương tiện quyền xảo nhiệm mầu, do vậy nên nói ra lời ấy. Chậm chậm, vua có thể hỏi rõ về sự việc.

Vua A-xà-thế liền hỏi:

–Chư Phật nhiều như cát sông Hằng, lời nói ấy thuộc về chỗ nêu bày nào mà không thể nói rõ chỗ hồ nghi của con?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này đại vương! Gọi là đã từ tâm làm nhân duyên mà có thể thấy Phật sao?

Vua liền đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dùng tâm vì tâm sinh nên là có thể thấy Phật chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dùng hữu tâm mà có thể gặp Phật sao?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Sinh tử với giải thoát là hai việc. Chấp trì hai việc ấy mà làm Phật ư?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Có pháp nên nương nhờ theo pháp ấy chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Ai tạo ra pháp như vậy thì có thể là nói một cách xác quyết chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Do vậy nên ta nói sự hồ nghi của vua, Phật nhiều như cát sông Hằng mà cũng không thể nói rõ. Vì sao? Nếu người nào bảo rằng mình có thể dùng bụi làm cầu bản hư không là có thể làm được chăng?

Vua nói:

–Không thể.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Hoặc có người bảo là mình có thể làm cho hư không hết cấu bần là có thể làm được chăng?

Vua nói:

–Không thể làm cho hết được.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Các pháp của Phật, tất cả đều như hư không. Vì sao? Vì gốc của các pháp ấy là sự giải thoát, cũng không thấy các pháp có gốc hoặc có giải thoát. Cho nên ta nói:

–Chỗ hồ nghi của vua, chẳng phải là điều mà chư Phật nhiều như cát sông Hằng có thể nói.

Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Như Lai không thủ đắc tâm ở trong hay ở ngoài thì lấy chỗ nào mà tạo ra hồ nghi? Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn đều là giải thoát. Thế thì sao lại có hồ nghi?

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Gốc của sự giải thoát kia đã không có, lại gắn liền với hư không. Vì nó vốn không sở hữu các pháp nên gọi là giải thoát, cũng không tự nhiên, không có chỗ thành tựu nhưng không nơi đâu là không thấy. Các pháp có sở hữu, không sở hữu, các pháp không chỗ nhận thức nên không chỗ để có thể nhận thấy. Các pháp gọi là mặc nhiên đó là tưởng không thể nhận biết. Các pháp không khái niệm, đã vượt qua tự nhiên cho nên siêu việt mọi sự lường xét. Vì các pháp ấy đã đoạn sinh tử nên các pháp là không có xứ sở. Vì không có nguyện nên các pháp là không có nguyện. Vì không có sinh tử nên các pháp bình đẳng, không chỗ vướng mắc. Vì thanh tịnh nên các pháp đều là thanh tịnh. Vì vốn trong ngoài đều tịnh nên các pháp không có đối đãi. Vì không có bạn nên các pháp là không có bạn lữ. Vì nhất tâm nên các pháp là nhất tâm. Vì là giải thoát nên các pháp không có tốt cùng. Vì không chỗ đoạn nên các pháp không có biên vực. Vì không có lường xét nên các pháp không thể nhận thấy lường xét. Vì chỗ tạo tác sai khác nên các pháp gọi chỗ tạo tác sai khác ấy là cấu tuệ. Vì không thể được an nên các pháp là vô thường. Vì không hai tâm nên các pháp đều yên định. Vì vượt quá mọi nẻo tịnh nên các pháp đều quyết đoán. Vì không chỗ cầu nên không pháp tự nhiên. Vì không thể thủ đắc nơi thân nên các pháp không hồ nghi. Vì vắng lặng bên trong nên các pháp luôn nhẹ nhàng! Vì không thẩm xét nên các pháp tịch tĩnh. Vì thản nhiên nên các pháp là không ta. Vì không có ngã sở nên các pháp là rốt ráo trọn vẹn. Vì giải thoát nên các pháp là không chỗ tụ hội, chuyển lên. Vì không suy niệm nên các pháp đều tin hết. Vì không chỗ nào vướng mắc, đoạn dứt nên các pháp là một vị. Vì là vượt thoát nên các pháp an ổn. Vì không có tướng nên các pháp không có tướng. Vì không bị hoại nên các pháp thấy đều không. Vì vượt những cầu mong nên các pháp không có nguyện. Vì gọi là ba cõi nên các pháp dùng để đoạn dứt ba cõi. Do không vướng mắc quá khứ, vị lai, hiện tại nên tất cả các pháp như Nê-hoàn. Đó là để sinh ra cái chưa sinh.

Văn-thù-sư-lợi bảo A-xà-thế:

–Cái gọi là không chỗ sinh có thể khiến được thanh tịnh chăng?

Vua nói:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Phật biết rõ các pháp như Nê-hoàn nên không làm cho thoát nỗi hồ nghi kia của vua. Vì sao? Vì phải đứng nhìn thẳng các pháp. Thấy các pháp rồi cũng không chỗ lấy, không chỗ bỏ, cũng không đối với các pháp có chỗ dừng lại. Các pháp đã không chỗ

dừng cho nên an. Đã an thì liền không còn nghi. Đã không còn nghi thì liền không sở hữu cái tạo ra. Không sở hữu cái tạo ra thì gọi là không có chủ. Ở trong vô chủ này phải thể hiện nhân. Vì sao? Vì không dùng các pháp để tự nhớ nghĩ về ngã nên các pháp nhân không thể tạo ra. Cho rằng có thể làm tức là không thể làm vì các pháp không có tạo tác. Không có tạo tác, không chỗ tạo tác, tức là Nê-hoàn. Kẻ nào tin điều này thì lấy bình đẳng làm sự giải thoát, cũng không chỗ tăng, cũng không chỗ giảm. Các pháp vốn không nên không có tạo tác, nếu như có thể tạo tác thì đều vốn không. Cái vốn không này cũng chẳng phải đúng mà cũng chẳng phải không đúng, nên cái vốn không không có sai khác. Đã tin không có sai khác thì các hồ nghi không còn nữa. Mắt kia cũng không bẩn, cũng không sạch. Mắt ấy tự nhiên cho nên nó vốn không. Vốn nó không tự nhiên nên gọi là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng không có bẩn, cũng không có sạch. Ý kia tự nhiên cho nên vốn nó không có. Vốn không tự nhiên nên gọi là ý. Sắc cũng vốn không thì vốn không tự nhiên. Sắc, thọ, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không có bẩn, cũng không sạch. Thức ấy tự nhiên vốn không mà vốn không tự nhiên, nên gọi là thức. Tất cả các pháp không có bẩn, không có sạch, các pháp tự nhiên vốn không, mà vốn không tự nhiên nên gọi là các pháp. Tâm ấy cũng không thể thấy. Sắc cũng không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì như ảo hóa, không thể bảo dùng bên trong, cũng không thể nói dùng bên ngoài. Vì sao? Vì vốn nó trong sạch, do vậy nên không có cấu bẩn. Vốn tâm kia cũng không để nhận, cũng không để tăng, cũng không để giảm, cũng không để lo, cũng không để sầu. Người nghe pháp này không có điều nghi. Vốn nó khác biệt mà nghĩ sai khác nên nó có cấu bẩn. Phải biết vốn nó sai biệt mà nghĩ sai khác. Ai không như vậy thì không thể vì đó mà khiến có. Vua không cần phải nghĩ đến điều ấy, giống như người nói rằng mình có thể khiến cho hư không có cấu uế do khói mây hoặc bụi cát. Làm như vậy, có thể khiến cho hư không cấu bẩn không?

Vua nói:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Tâm kia vốn do thanh tịnh nên dâm, nộ, si không đến, vì sao lại nói như hư không hiện ra ở năm thứ: Một là tro, hai là bụi, ba là khói, bốn là sương mù; năm là mây. Có thể nhìn thấy hết cả nên không thể bảo hư không tạo ra cấu bẩn. Như người nói ngã sở này tạo ra cái phi ngã sở, vì thế mà có dâm, nộ, si. Đối với tâm, lúc đầu không tạo ra cấu bẩn thì cũng không tạo nên hồ nghi. Vì sao? Vì tâm lúc đầu có chỗ tạo tác thì cũng không thể nào để phòng được tâm sau. Tâm sau có chỗ tạo tác thì không làm trở ngại đối với tâm trước. Hiện tại tâm cũng không nơi chốn. Người trí đã nhanh chóng vạch rõ chỗ tạo ra mà không có mong cầu. Không chỗ mong cầu cho nên là tướng thanh tịnh. Tất cả các pháp không có cấu bẩn thì không nơi đâu là không sáng tỏ. Không chỗ sinh, không có xứ sở. Không có xứ sở là sinh địa của Phật. Sinh địa tức là các pháp. Là các pháp nên là sinh địa, nên không thể nêu bày. Người trí tuệ thì nơi các pháp không có giải thoát nhưng lấy pháp làm sự giải thoát các nghi ngờ. Vì không sở hữu, không có pháp cứu độ, nên hồ nghi thuộc về Pháp thân. Gọi Pháp thân thì không chỗ nào không chứng nhập nơi các pháp, cũng không thấy Pháp thân có chỗ chứng nhập. Vì sao? Vì các pháp đều là Pháp thân, như các pháp bình đẳng nên Pháp thân cũng bình đẳng. Do vậy gọi Pháp thân là chỗ chứng ngộ. Khi thuyết giảng pháp này, vua A-xà-thế chứng được pháp nhân. Vua vui mừng, hoan hỷ liền thốt nên lời:

–Lành thay! Lành thay! Mối hồ nghi của ta đã được giải tỏa.

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đây là hồ nghi rất lớn, thuộc vấn đề thuyết giảng các pháp thì cơ bản là không có. Vì sao mà hồ nghi được? Phải là nghe hồ nghi từ nơi nào?

Vua A-xà-thế nói:

–Cúi nhờ đại ân mà được sự sai bảo mọn. Nay mạng sống của con nếu hết thì không lo không đến Nê-hoàn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như điều mong cầu của vua là không có gốc. Vì sao? Vì gốc của các pháp là Nê-hoàn, nên không có chỗ sinh.

Vua A-xà-thế liền từ ghế ngồi đứng dậy, lấy y giạ nổi tiếng đẹp lạ, giá trị của nó là trăm ngàn. Vua cầm y giạ nhiều quanh thân Văn-thù-sư-lợi. Trong lúc ấy Văn-thù-sư-lợi thân đã biến mất. Y giạ kia vẫn ở chỗ cũ, trên hư không chỉ nghe tiếng mà không trông thấy hình bóng Văn-thù-sư-lợi đâu cả. Trong âm thanh ấy nghe được lời nói:

–Nếu muốn thấy thân Văn-thù-sư-lợi thì vua phải tự mình nhìn thấy hồ nghi. Không phải chỉ thấy hồ nghi mà còn phải nhìn thấy các pháp. Như chỗ thấy thì nên làm. Rồi từ không trung nghe tiếng bảo:

–Có chỗ nào vua nhìn thấy thì liền lấy y giạ ấy cúng nơi đó. Sau đấy Văn-thù-sư-lợi ngồi vào tòa. Có Bồ-tát tên là Đắc Thượng Nguyệt. Vua A-xà-thế lại cầm xấp giạ muốn dâng cúng lên Bồ-tát. Bồ-tát Đắc Thượng Nguyệt nói:

–Vua cầu thoát hồ nghi để được Nê-hoàn, ta không từ chỗ cầu ấy để có chỗ nhận, hơn nữa không nhận vật có sở hữu của người phàm. Vì sao? Vì kẻ phàm bảo trong hội có kẻ tục nghe việc, do vậy mà không nhận cúng, cũng không từ cầu La-hán, Bích-chi-phật để có chỗ nhận. Cũng không từ pháp Như Lai để có chỗ nhận. Những ai không gần pháp ấy, không lia pháp ấy, ta nhận vật này, người dâng cúng vật cũng không nhị tâm, kẻ nhận vật cúng cũng không hai tâm, cho nên gọi chỗ nhận đó là vượt quá sự giải thoát.

Nhà vua liền lấy y giạ mặc cho Bồ-tát ấy, hốt nhiên Bồ-tát chẳng hiện, không còn biết là chỗ nào, chỉ nghe thấy tiếng Bồ-tát nhưng không thấy được hình dáng, dạy bảo:

–Lấy giạ dâng cúng chỗ thân hiện ra kia, rồi Bồ-tát ngồi xuống tòa ấy. Tiếp theo có Bồ-tát Kiến Chư Huyền.

Vua A-xà-thế lại lấy y giạ dâng cúng lên Bồ-tát như trước. Bồ-tát Kiến Chư Huyền nói:

–Nếu có chấp nơi người khác có ngã thì ta không nhận vật này. Cũng không từ chỗ có khuyết, như, cũng không từ đó để được giải thoát, từ nơi ấy mà nhận vật. Cũng không theo ý định, cũng không theo ý loạn mà nhận vật. Cũng không từ trí tuệ mà nhận vật, cũng chẳng từ không trí tuệ mà nhận vật.

Vua A-xà-thế liền lấy y giạ trải trên tòa ngồi. Bồ-tát kia tức thì mất bóng. Lại nghe tiếng Bồ-tát mà không thấy hình bóng, dạy bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y dâng cúng vị đó, rồi Bồ-tát ngồi vào tòa. Có Bồ-tát tên là Bất Kiến Huyền Chí Nê-hoàn. Vua A-xà-thế lấy tay nâng vải lên đi về phía tòa ấy thưa:

–Nhân giả, xin thọ nhận. Bồ-tát này nói:

–Nếu tự mình còn vướng mắc vào người khác thì ta không nhận vật này. Ai không vướng mắc vào năm ấm, bốn đại, sáu suy thì cũng không vướng mắc nơi Phật, cũng không vướng mắc nơi pháp, cũng không vướng mắc nơi Tăng. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ vướng mắc.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vua A-xà-thế cầm lấy y giạ định mặc cho Bồ-tát thì ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng của Bồ-tát, nhưng không thấy hình dáng đâu, bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y giạ cúng cho vị ấy! Rồi ngồi vào tòa của mình.

Tiếp nữa có Bồ-tát tên là Tư-ha-mạt. Vua A-xà-thế liền lấy y giạ dâng cúng.

Bồ-tát này nói:

–Ai không nhìn rõ thì ta không nhận vật này. Nay ông phát tâm Bồ-tát, nắm giữ tâm như Bồ-tát, tâm bình đẳng với các pháp, cũng bình đẳng với các pháp Phật, không chỗ lấy, cũng không chỗ bỏ. Với các pháp, cũng không nghi, cũng không có nghi, cũng không nghĩ các pháp có ngã, không nghĩ các pháp có chỗ thoát. Có ý niệm này thì ta mới nhận vật ấy.

Vua A-xà-thế liền lấy y giạ mặc cho Bồ-tát. Ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị đó! Rồi Bồ-tát ngồi vào tòa của mình.

Kế đến có Bồ-tát tên là Tam-muội Câu-tốc-ma. Vua A-xà-thế cầm y muốn dâng lên cúng.

Bồ-tát này bảo:

–Nếu có Tam-muội như vậy, vua không còn nghi thì mới nhận vật kia. Gốc nơi Tam-muội đều biết các pháp không có chỗ thoát thì ta mới nhận vật ấy.

Vua A-xà-thế liền cầm y mặc cho Bồ-tát này. Ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Rồi Bồ-tát ngồi vào tòa. Kế nữa có Bồ-tát tên là Vô Lượng Tinh Tấn nói:

–Tất cả các thứ tiếng tự nó vang lên mà không thể nắm bắt, ai làm được việc ấy thì ta mới nhận vật này.

Vua A-xà-thế lại lấy y, đứng dậy mặc cho Bồ-tát này, liền khi ấy Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y dâng cúng vị đó, rồi ngồi vào tòa.

Tiếp nữa, có Bồ-tát tên là Ly Sở Tác Cấu. A-xà-thế muốn lấy y mặc cho Bồ-tát đó.

Bồ-tát này nói:

–Ai không tự nghĩ đến ngã thân thì trao cúng cho họ. Cũng không nghĩ có người từ ngã chấp giữ cũng không nghĩ phải có lợi ích. Ai không nghĩ như vậy ta mới nhận vật này.

Vua lại lấy y mặc cho Bồ-tát ấy. Ngay lúc đó, Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy rồi ngồi vào tòa.

Kế nữa có Bồ-tát tên là Đàm-ma-duy-cụ-hòa-na-la-da. Vua A-xà-thế lại lấy y dâng cúng cho vị ấy. Bồ-tát này nói:

–Nếu ở hàng Thanh văn thị hiện mà không Bát-nê-hoàn, ở hàng Bích-chi-phật thị hiện mà không Bát-nê-hoàn, không trụ ở sinh tử, cũng không đến Nê-hoàn thì ta mới nhận vật cúng này.

Vua A-xà-thế liền lấy y mặc cho Bồ-tát ấy, bỗng nhiên Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Cứ lần lượt từng Bồ-tát như vậy, vua A-xà-thế lấy y dâng cúng. Ngay lúc ấy Bồ-

tát liền biến mất và giường ghế, tòa ngai kia đều cũng mất dạng. Lại nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Vua A-xà-thế nói với Ma-ha Ca-diếp:

–Con từ Phật nghe đức nhân từ hết sức tôn quý của Tôn giả nay lấy y dâng cúng, xin Tôn giả nhận cho.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Tôi đâu dám nhận! Vì sao? Vì tôi còn dâm, nộ, si chưa diệt trừ hết, nên không thể nào nhận. Tôi cũng không rời bỏ được cái si ám, cũng không lìa điều ác, cũng không xa rời chỗ nhận biết về Khổ, cũng không Tập, cũng không tận, cũng không chứng Tận, cũng không niệm Đạo, cũng không thấy Như Lai, cũng không nghe pháp, cũng không thuộc hàng Tỳ-kheo Tăng, cũng không sinh tuệ, cũng không có mắt trong sạch, cũng không do thức có chỗ trụ mà tạo tác. Ai cúng cho tôi vật ấy thì đức kia không thể lớn, cũng không thể đạt được quả vị giải thoát tôn quý.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Giá như đại vương tác ý giống như thế thì tôi mới nhận cho.

Vua A-xà-thế vội lấy y mặc cho Ca-diếp thì lúc ấy Tôn giả liền biến mất, chỉ nghe tiếng nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị đó.

Thế là lại lấy y thứ tự cúng cho các Tỳ-kheo. Cứ như vậy từng Tỳ-kheo một đều biến mất cho đến hết cả năm trăm vị cũng đều như thế, chỉ nghe tiếng nói của các Tỳ-kheo bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Vua A-xà-thế phải tự suy nghĩ lâu lắm, rằng chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng đều đâu mất hết, phải đem y dâng cúng cho ai đây?

Vua trở về tự tay trao cho phu nhân, người cao quý nhất trong cung, nhưng phu nhân của vua cũng biến mất. Tức thì vua A-xà-thế chứng được Tam-muội, không nhìn thấy các sắc, cũng không thấy người mẹ, cũng không thấy người nam, cũng không thấy bé trai, cũng không thấy bé gái, cũng không thấy tường, thành, cũng không thấy cây, cối, cũng không thấy nhà cửa, cũng không thấy thành hào. Vua còn có niệm khác: Cho là có ngã thân, các sắc, thức thì chúng đều dừng lại. Lại nghe tiếng nói của chính vua:

“Nếu như tất cả có chỗ thấy thì phải tự thấy chỗ hồ nghi của mình. Nếu chỗ thấy hồ nghi thì thấy tất cả các pháp như vậy. Chỗ thấy phải thấy cái không chỗ thấy, phải thấy cái pháp không chỗ thấy thì chính đấy là thấy pháp. Ai có được cái thấy ấy thì nên lấy y trao cho.”

Vua tỏ ngộ cái không nơi chốn để thấy, liền lấy y kia với ý định trở lại mặc cho mình thì vua cũng chẳng thấy thân mình đâu. Tâm, ý, thức đã không còn chỗ tưởng thì gọi là thoát khỏi tưởng, thoát khỏi hồ nghi. Thế là từ Tam-muội, trở về thấy chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng, các quan thuộc, tất cả cái gì đã có đều hiện hữu như cũ. A-xà-thế lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Điều thuộc về các chúng hội đều đang ở đây, mà sao con không thấy?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như chỗ hồ nghi của nhân giả thuộc về chúng hội ở nơi kia được nghe.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Có thấy chúng hội chẳng?

A-xà-thế thưa:

–Có thấy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy thế nào?

A-xà-thế thưa:

–Như chỗ thấy sự hồ nghi của con thì thấy chúng hội cũng như vậy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy chúng hội chăng?

A-xà-thế thưa:

–Có thấy. Hồ nghi của con như thế nào thì thấy chúng hội cũng như vậy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy hồ nghi như thế nào?

A-xà-thế thưa:

–Như không thấy chúng hội ấy là thuộc về con. Hồ nghi này ở trong, ở ngoài cũng không chỗ thấy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Vua có nghe lời Phật dạy rằng ai tạo ác nghịch thì phải bị đọa vào địa ngục Nê-lê không?

Vua nói:

–Có nghe.

Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Vua có tự biết mình phải vào địa ngục chăng?

A-xà-thế lại hỏi:

–Phật kia khi thành Phật mới có pháp sinh lên trời hay vào Nê-lê ấy không? Mới có an ổn đến Nê-hoàn ấy không?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Không.

Vua nói:

–Con nhận biết các pháp thấy đều không. Vì sao? Vì Nê-lê cũng lại là rỗng lặng, cõi trời, sự an ổn cũng rỗng lặng. Các pháp không chỗ có thể hủy hoại, cho nên chứng nhập pháp thân. Pháp thân ấy cũng không ở trên trời, cũng không nơi cõi người, cũng không ở Nê-lê, cầm thú, quỷ đói. Kẻ nghịch ấy cũng không rời pháp thân, kẻ làm nghịch kia thì thân đều là chỗ chứng ngộ của pháp thân... Gốc của các nghịch đều là gốc của các pháp. Quá khứ, vị lai không đến, đi thì các pháp cũng không đến, đi. Đã biết rõ về điều ấy thì cũng không vào Nê-lê, cũng không lên cõi trời, cũng không đạt Nê-hoàn.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Phật thuyết giảng là có nghịch ác. Vì sao bây giờ nói là không có?

Vua liền đáp:

–Con không trái với lời dạy của Phật.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Tại sao?

Vua đáp:

–Vô ngã là lời dạy của Phật. Xét kỹ lời dạy này thì vì vô ngã nên chính đó là không có người, cũng không có người tạo tội, cũng không chịu tội.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Vua đã thoát khỏi hồ nghi chưa?

Vua liền đáp:

–Từ xưa đã thoát, về sau cũng thoát.

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Chỗ nghi của vua đã hết chưa?

Vua thưa:

–Từ lâu xa đã hết rồi.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Vì sao chúng hội này biết vua thoát khỏi sự có nghịch, không nghịch?

Vua nói:

–Vì tôn kính pháp, nắm chắc ngã, nên biết không nghịch. Giống như Bồ-tát đã có được nhẫn nhục thì đều nắm giữ cái ác, như là đã được ý nguyện tốt.

Na Kỳ Đầu Lương Gia bảo vua A-xà-thế:

–Các nghịch đã sạch do đo đạt được nhẫn.

Vua nói:

–Vì tất cả các pháp đều tịnh, không một vết nhơ, nên pháp này cũng không thể nhớp bẩn. Vì sao? Vì đạo giải thoát không có dấu vết bẩn nhơ. Do đi vào con đường đại nghịch mà không bỏ sinh tử, không thấy Nê-hoàn. Vì sao? Vì đạo giải thoát đã không thể đến gần được.

Khi nói lên lời này, vua A-xà-thế liền nhanh chóng chứng đắc tín nhẫn. Ngay khi ấy ba mươi hai người ở trước Văn-thù-sư-lợi đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng. Năm trăm vị hạ quan đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Dân chúng nước La-duyệt đi đến đứng đầy nghẹt cả cửa cung. Họ muốn thấy Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp. Văn-thù-sư-lợi, khi ấy liền lấy ngón chân cái ấn xuống đất khiến tường vách cung điện và đất đều là lưu ly. Tất cả mọi người bên ngoài đều thấy chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng nơi hoàng cung như người soi gương thì tự thấy hình vậy.

Bấy giờ tất cả đều thấy rõ ràng cùng lắng nghe lời thuyết pháp của Văn-thù-sư-lợi. Tám vạn bốn ngàn người đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Lại có năm trăm người phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Văn-thù-sư-lợi vì vua, hạ quan trong cung và mọi người thuyết giảng giáo pháp xong, ai ai cũng được an ổn. Văn-thù liền từ tòa ngồi đứng dậy cùng chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng dự hội đi ra cửa cung.

Vua A-xà-thế và quan thuộc trong cung đều ra ngoài cửa thành để tiễn đưa. Khi ấy dưới cây có người đang hô lớn:

–Tự ta giết mẹ ta!

Người này phải được giải thoát. Văn-thù bèn hóa ra một người cùng với cha mẹ đi dự hội. Cha mẹ nói:

–Đây là chánh đạo, có thể theo làm chánh đạo này.

Người con nói:

–Đây chẳng phải là chánh đạo. Ba lần nói như vậy, cùng với cha mẹ mình tranh cãi, nên nổi nóng, người con lại khởi ý giết cả cha mẹ. Người trước đó hô lớn là đã giết mẹ thấy người này giết cả cha mẹ, liền đến cạnh kẻ giết cả cha mẹ kia vốn là hóa nhân, tự đem lời giải bày:

–Chỗ ta hành động đã là phi pháp còn ở đây thì giết cả cha mẹ! Người chỉ giết mẹ tự nghĩ: “Ta chỉ giết mẹ thôi! Còn người này giết cả cha mẹ, tội của ông ta rất nặng. Đối với ông ta, thì mình hãy còn nhẹ hơn nhiều.”

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Kẻ hóa nhân nói với người chỉ giết mẹ:

–Chi bằng ta đi đến chỗ Phật, Phật là chỗ quay về cho những kẻ không chỗ quay về, là nơi bảo hộ cho những kẻ không được bảo hộ. Như lời Phật dạy, ta phải vâng theo lời dạy của Ngài, không dám trái lỗi.

Kẻ hóa nhân bèn lên đường. Người chỉ giết mẹ liền đi theo sau. Như vậy, người nhận được pháp nào, ta cũng nhận như vậy. Tuy người và ta có khác nhau nhưng cùng khóc lóc mà đi. Đến chỗ Phật cả hai cùng tác lễ rồi đứng lên bạch rằng:

–Con làm việc phi pháp do lầm lạc mà giết cha mẹ!

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Như lời ông nói trước sau rất mực chí thành. Vì sao? Vì không che giấu tội giết cha mẹ, cho đến trước Như Lai cũng bạch hành động như vậy.

Phật dạy:

–Chớ khiếp, đừng sợ hãi, hãy theo lời dạy của ta!

Kẻ hóa nhân thưa:

–Như lời Phật dạy, xin Ngài thương xót gia hộ chúng con.

Phật dạy:

–Hãy quay lại tự xem xét các pháp của tâm, nắm giữ tâm quá khứ, vị lai, hiện tại, nắm giữ tâm như thế nào mà lại giết cha mẹ?

Phật lại dạy:

–Đã là tâm quá khứ thì đã diệt, đã tận nên cũng không thể thấy tội chỗ nào, cũng không thấy tội đang là chỗ nào. Tâm vị lai thì không thể nói lên được. Vì sao? Vì chưa sinh, chưa có, vì không có. Không có tướng, không có niệm. Tâm hiện tại cũng không chỗ trú dừng, hoặc tâm khởi lên ý thì diệt, cũng không tụ hội, cũng không thể biết đi đến chỗ nào? Từ chốn nào đến? Cũng không thể biết xanh, cũng không biết đỏ, trắng vàng, đen. Tâm ấy không thể thấy, không có hình, cũng lại không thể nắm giữ, không có bạn, giống như ảo hóa. Với thân cũng không thể thấy ở trong, cũng không thể thấy ở ngoài, cũng không thấy ở chính giữa.

Phật dạy:

–Tâm ấy cũng không thể từ ái mà có thể thấy, cũng không thể từ sân, nộ mà có thể thấy, hoặc nằm mộng mà có thể thấy, hoặc tạo ra hoặc không chỗ tạo ra, tâm cũng không chỗ cho, cũng không chỗ nhận, vì tâm ấy vốn thanh tịnh, cũng không có tỳ vết, dơ bẩn, cũng không có tâm để trong sạch.

Phật lại dạy:

–Tâm kia cũng chẳng phải ở khoảng giữa này, cũng chẳng phải nơi khoảng giữa kia. Hoặc giống như ảo hóa nên không thể nắm giữ được. Vì sao? Vì không bạn bè. Ai biết như vậy thì không nên tạo tướng chấp ấy, cũng không nghĩ có ngã, không ngã, cũng không nghĩ là có chỗ thấy, cũng không nghĩ là có chỗ trụ. Các pháp vắng lặng, không có tạo khởi, ai tin điều ấy thì không nhận đường ác. Vì sao? Vì không có chỗ nào là tỳ vết dơ bẩn. Tâm pháp kia cũng không chỗ sinh, cũng không chỗ vướng mắc.

Kẻ hóa nhân kia liền thưa:

–Lành thay! Lành thay! Như Như Lai, do Pháp thân mà tự thành Phật. Nay như lời Phật dạy mà biết: Đã có lòng tin thì không nghi, không tạo tội, không nhận lấy tội, không chỗ sinh, không chỗ diệt. Như các pháp con nguyện được làm Sa-môn.

Phật dạy:

–Như nguyện của ông.

Ngay lúc ấy hóa nhân kia liền như Sa-môn, lập tức bạch Phật:

–Chỗ phạm tội của con là giết cha mẹ nay đã giải thoát mà chứng đắc A-la-hán.
Xin được Bát-nê-hoàn.

Phật dạy:

–Cứ theo như chỗ muốn của lòng.

Hóa Tỳ-kheo này bèn bay lên không cách đất hai mươi trượng, trong hư không liền nhập Niết-bàn, lửa từ thân phát ra lại tự thiêu đốt thân.

Kẻ giết mẹ kia thấy người này đã vào Nê-hoàn, nghe đầy đủ lời dạy của Như Lai thì tự nghĩ:

Chỗ tạo tác của người kia quá nghịch ác, nay làm Sa-môn mà được độ thoát vào Nê-hoàn. Tội của ta hã còn có thể cải thiện, vì sao không tự quay về với Phật để cũng có thể đạt được như vậy?

Liền đến trước Phật tác lễ tự bạch:

–Việc làm của con là phi pháp tự giết mẹ mình, nay đem thân tự quay về với Phật.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Lời của ông bạch là chí thành, không có khác. Như lời ông nêu thì nhận thức được lời dạy của Như Lai về chỗ tạo ra tội mà không che giấu. Lại nên quán xét pháp của tâm nghĩ đến tâm quá khứ, tâm vị lai, tâm hiện tại, chỗ nào là tâm giết hại mẹ kia? Tâm quá khứ đã không còn gì hết, cũng không ngoài, cũng không trong, cũng không nơi chốn. Tâm vị lai không thể nói ra được, cũng chưa sinh, cũng chưa có, không có tướng, cũng không có chỗ tướng. Tâm hiện tại không có chỗ trú dừng. Tâm có chỗ sinh thì hủy hoại, cũng không chỗ tụ, cũng không thấy có chỗ là nơi đến, cũng không thấy có chốn từ đâu lại. Tâm kia cũng không xanh, đỏ vàng, trắng, đen. Tâm kia không có hình tướng nên không thể thấy, không thể nắm giữ lấy, cũng không thể lắng nghe. Vì sao? Vì không có tiếng vang, không thể thu giữ, không có bạn, giống như trò ảo, không ở ngoài mà thấy thân, ở trong không chỗ nắm bắt, ở chính giữa cũng không có chỗ. Tâm kia cũng không vết nhơ, cũng không có ác, cũng không có nghi ngờ. Tâm kia không chỗ tạo tác, cũng chẳng có đối tượng tạo tác; không chỗ cho, cũng không chỗ được, vì tâm ấy vốn thanh tịnh, không có vết bẩn, cũng lại không sạch. Tâm kia cũng không tại đây, ở đây mà không đây. Tâm kia như hư không, không thể thu giữ, không có bạn, người trí nào không niệm về tướng này thì cũng không tạo sự ràng buộc, cũng không tạo ra trong sạch, không tạo ra có chỗ thấy, cũng không tạo ra chỗ nào, cũng không có chỗ để dừng, cũng chẳng có vướng mắc. Do tâm thoát cho nên không chỗ trở ngại, cũng không sinh chỗ ác, vì sao? Vì pháp của tâm cũng không có chỗ vướng mắc, cũng không chỗ tụ họp, cũng không ở chỗ dừng của sinh tử.

Kẻ giết mẹ kia, bấy giờ nơi các lỗ chân lông trên thân, mỗi lỗ là lỗ lửa của Nê-lê, từ tất cả lỗ ấy tạo ra sự đốn đau không thể kể hết, liền tự giải bày:

–Nay con xin tự quay về với Như Lai, xin thương xót gia hộ khiến con được an ổn.

Phật bèn dùng tay màu vàng ròng đặt lên đầu người giết mẹ kia, ngay lúc ấy lửa dữ liền tắt, bệnh khổ cũng tiêu trừ, người kia quỳ trước Phật nguyện làm Sa-môn.

Phật dạy:

–Như điều ước muốn!

Khi ấy liền trở thành Sa-môn.

Như Lai đem pháp Tứ đế thuyết giảng cho kẻ kia, tức thì chứng được Pháp nhãn,

thấu ngộ sự việc kia nên chứng quả A-la-hán, liền bạch Phật:

–Nay con muốn vào Niết-bàn.

Phật dạy:

–Như điều ước muốn của ông.

Sa-môn bèn bay lên hư không, cách đất một trăm bốn mươi trượng, ở trên đấy, thân liền phóng ra lửa, lửa xoay lại tự đốt cháy thân. Chư Thiên hàng trăm, ngàn người đều bay lên hư không để cúng dường.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Như Lai quả thật là bậc chí kính. Vì sao? Vì kẻ tạo điều ác đều khiến được giải thoát. Chẳng ai hiểu nổi ngoài Phật hoặc Văn-thù-sư-lợi và chư Bồ-tát chứng ngộ sâu xa bốn hoàng thế nguyện thì mới biết được sự việc này. Ngoài ra, ở quả vị La-hán, Bích-chi-phật khó hiểu nổi nội dung của sự việc, còn như theo chỗ hành của mọi người thì làm sao hiểu hết được.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Như Lai chánh biến tri, ở chỗ nhân của Bồ-tát ấy chẳng phải là quả vị La-hán, Bích-chi-phật cũng chẳng phải là chỗ hành của mọi người. Vì sao? Ví như có người chỗ làm một nơi mà cái phải đạt được ở một ngả. Như vậy, hạng người nào nhận thức được tội tạo ra, biết phải vào Nê-lê, mà được sự dẫn dắt của ta thì không vào Nê-lê mà có thể đến Nê-hoàn. Còn hạng người nào tin ở mình phải vào Nê-hoàn thì ta biết họ phải vào Nê-lê. Vì sao? Vì họ có chỗ không biết thấu đáo về nẻo hành của mọi người.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Ông có thấy người giết mẹ kia nhập Bát-nê-hoàn không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Có thấy.

Phật dạy:

–Do người này đã từng cúng dường năm trăm vị Phật một cách trọn vẹn. Lần lượt từng vị Phật một theo nghe pháp mà tâm tịnh. Vì sao? Vì hiện lại được nghe pháp ấy mà Bát-nê-hoàn. Ai biết được pháp sâu xa, hội nhập chỗ vi diệu thì vui mừng phấn khích, tâm kia không còn sợ hãi. Nếu bị cái ác làm cho mê lầm, hoặc tâm kia không đầy đủ nên phạm thì phải giải thoát. Ai tin tâm pháp vốn trong sạch thì người này không rơi vào đường ác. Vì sao? Vì không bị trở ngại.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi cùng với chư Bồ-tát, Ma-ha Ca-diếp, Tỳ-kheo tăng, vua A-xà-thế và quần thần, quan thuộc cũng đến nơi chỗ Phật.

Xá-lợi-phất hỏi vua A-xà-thế:

–Nay nghe pháp nói về hồ nghi đã hiểu rõ chẳng?

Vua liền đáp lời:

–Đã nghe, đã hiểu.

–Sao gọi là nghe? Khi thuyết giảng về hồ nghi không có chỗ được, cũng không có chỗ không được, không chỗ nắm giữ, cũng không chỗ xả bỏ. Lúc nghe pháp ấy thì từ nay về sau không còn cấu bẩn.

Khi ấy Xá-lợi-phất thưa Phật:

–Vua A-xà-thế chỗ tội còn lại như thế nào?

Phật dạy:

–Pháp mà vua A-xà-thế nghe được, giống như một hạt cải còn tội thì nặng như núi Tu-di.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Vua A-xà-thế phải vào Nê-lê chăng?

–Giống như Thiên tử Đao-lợi mặc y phục gọi là Chúng hảo bảo xuống đây rồi quay về lại cõi Đao-lợi. Vua A-xà-thế cũng lấy y phục, châu báu trang nghiêm nơi thân, giống như Thiên tử này từ trên lại xuống, tuy vào Nê-lê, Nê-lê tên là Tân Đầu vào trong đấy cũng không có khổ đau, rồi giống như Thiên tử trên đây, quay về lại chốn cũ.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Hay thay! Tội của vua A-xà-thế tạo ra như thế mà được giảm nhẹ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hiểu gì về vua này?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không biết.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vua A-xà-thế này do đã từng cúng dường bảy mươi ba ức Phật, từ nơi mỗi vị trong số chư Phật ấy thường được nghe pháp thâm diệu. Tâm vua không rời tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác vô thượng.

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

–Ông nhìn thấy Văn-thù-sư-lợi chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Có thấy.

Vua A-xà-thế xuất phát từ gốc nơi Văn-thù này mà đạt được tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng. Bảy giờ là thuở quá khứ thật xa xưa, có Phật hiệu là An Ẩn Giác, kiếp tên gọi là Vô trần cấu, do trong kiếp này, có ba ức ức người đều được sự khuyến bảo của Văn-thù-sư-lợi mà chuyển pháp luân.

Phật lại nói với Xá-lợi-phất:

–Chư Phật nhiều như cát sông Hằng, vì vua A-xà-thế thuyết pháp mà không hiểu được chỗ hồ nghi của nhà vua. Vì sao? Vì chỗ phát tâm của Văn-thù-sư-lợi phải từ sự hiểu biết về sự hồ nghi ấy. Đồi đời vua A-xà-thế thường theo Văn-thù-sư-lợi nghe pháp sâu xa vi diệu.

Phật dạy:

–Bồ-tát vốn xưa có chỗ tạo tác, ai là Bồ-tát thì phải lấy cái gốc phát tâm cũ của mình làm nhân, để được sự hiểu biết. Nay vua A-xà-thế tuy vào Nê-lê song quay trở lại sinh lên cõi trời nơi phương trên, cách thế giới đây năm trăm bốn mươi lăm cõi, tên cõi ấy là Duy vị (*Hán dịch là Nghiêm tịnh*) Phật nơi cõi ấy hiệu là La-đà-na-ky-đâu (*Hán gọi là Tân hảo*). Vị Phật ở đây cùng với Văn-thù-sư-lợi luôn hợp ý nhau. Với cõi này, muốn nghe hiểu được các điều thuyết pháp thì phải chứng đắc pháp nhãn Vô sở tùng sinh thì Di-lặc làm Phật thì vua A-xà-thế từ cõi kia, sinh ra ở đất nước này, tên gọi của A-xà-thế vào lúc ấy là Bồ-tát A-già-khư-tỳ. Từ nhân duyên ấy, Phật Di-lặc đem pháp chỉ dạy cho các Bồ-tát. Pháp được thuyết giảng không quá dài, cũng không ngắn mà vừa phải, bình đẳng. Lúc đang thuyết về A-già-khư-tỳ: Về thuở quá khứ của Phật Thích-ca Văn, có vua tên là A-xà-thế nghe theo lời của người ác mà giết cha mình. Từ Văn-thù-sư-lợi, vua A-xà-thế nghe các pháp, sau khi nghe thì hoan hỷ tín nhận. Tội vua tạo ra ngay lúc ấy không còn nữa. Khi Phật Di-lặc thuyết giảng pháp này thì có tám ngàn Bồ-tát đều đắc chứng pháp nhãn Vô sở tùng sinh, trở lại sau tám a-tăng-kỳ kiếp, A-già-khư-tỳ đương hành đạo Bồ-tát để giáo hóa người, cũng đang làm thanh

tịnh cõi mình. Người nào nghe pháp, hành đạo thì hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Bích-chi-phật, hoặc hành pháp Bồ-tát đều không còn phiền não cấu uế, tất cả không còn bị trở ngại. Mọi người đều sáng tỏ nơi trí tuệ, không còn chỗ hồ nghi. Vua A-xà-thế kia, như điều đã nêu thì tám a-tăng-kỳ kiếp về sau sẽ được làm Phật. Kiếp ấy tên gọi là Thóa-viết-tỳ-đà-biến (*Hán dịch là Hoan hỷ kiến*) cõi tên là A-già-đàm (*Hán dịch là Dược vương*). Người nơi cõi ấy bị bệnh không ai là không chóng lành. Như Lai kia đương thời, hiệu là Duy-thủ-đà-duy-sa-da (*Hán dịch là Tịnh Kỳ Sở Bộ*), thọ mạng là bốn tiểu kiếp, có bảy mươi vạn Thanh văn đều từ bố thí được giải thoát, đều phải biết tám Thiên duy vụ. Lúc ấy hiện có mười hai ức Bồ-tát, tất cả đều chứng nhập các tuệ hiểu tường tận phước tiện quyền xảo.

Sau khi Phật vào Nê-hoàn, pháp của Phật ấy trụ thế cho đến ức vạn năm về sau mới hết. Cõi kia, tất cả mọi người đến chết cũng không có hồ nghi. Sau khi mạng sống hết, không sinh vào tám nẻo ác. Vì sao? Vì do việc nghe pháp sâu xa vi diệu từ Phật, các bản cấu không hề bị vướng mắc.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Không thể xem thường mọi việc. Vì sao? Vì từ xem thường mà phạm tội kia.

Phật dạy:

–Ta biết rõ các điều con người tạo ra, những người khác còn không biết, nói chi là chỗ hướng đến! Chỉ có Phật mới nhận biết mà thôi.

Xá-lợi-phất nói với hội chúng:

–Việc này thật vi diệu, là hành lợi căn mới biết điều ấy. Từ nay về sau không dám nói tội của người này nêu phước của người kia. Vì sao? Vì nẻo hành trì của mọi người là không thể nghĩ bàn. Như chỗ Phật nói ra thuộc về vua A-xà-thế đã được quảng diễn. Bảy giờ, một vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng, tất cả đồng xin Duy-thủ-đà-duy-sa-da khi làm Phật, được sinh vào cõi ấy. Phật đều ấn chứng là khi làm Phật nơi cõi kia thì tất cả được sinh vào cõi ấy.

Vua A-xà-thế có con tuổi lên tám, tên là Chiên-đàn-sư-lợi, ngay lúc ấy liền lấy châu báu đang đeo nơi mình, mở ra tung lên chỗ Phật, liền nói:

–Do phát tâm Bồ-đề cầu đạo Chánh đẳng Chánh giác này nếu như Đức Duy-thủ-đà-duy-sa-da khi đó làm Phật thì con nguyện làm Già-ca-việt-la. Về sau Phật Bát-nê-hoàn, con nguyện tiếp nối theo Ngài làm Phật thì chỗ vật báu tung lên đều hóa làm bảy báu đan xen nhau nơi hư không, ngang dọc ngay ngắn bằng phẳng, trong bảy báu có giường ngồi đầy đủ ngăn ấy thứ ngọc ngà châu báu, những the lụa gấm vóc làm màn kia cũng lại như vậy, Phật an tọa trên giường ấy.

Khi đó, Phật mỉm cười, vô số màu sắc ánh sáng từ miệng Phật phóng ra đến khắp cùng mười phương, rồi quay về nhiều quanh chỗ Phật ba vòng và từ nơi đỉnh đầu Phật ánh sáng đi vào.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

–Như Lai không cười suông, phải có ý gì.

A-nan tán thán:

–Trí tuệ kia là rất cao vời, không chỗ trở ngại, đều biết rõ nẻo hành của mọi người, tùy theo chỗ muốn của họ mà chỉ bày, dẫn dắt, khiến đạt được sở nguyện. Trên trời dưới trời, ngôi vị đặc biệt tôn kính này chỉ có một. Ngài cười là có lý do của nó, nên cúi xin được nghe. Nếu mọi người nơi mười phương đều đứng trước nơi đây, từng người một thưa hỏi trăm ngàn ức việc, hẳn đều được giải đáp thỏa đáng không gặp khó khăn

gì. Nụ cười ấy thuộc về ý nghĩa gì, xin được nghe lời dạy của Phật. Đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, Phật đều thấu hiểu sự việc một cách đầy đủ, không chút trở ngại. Nụ cười ấy thuộc về vấn đề gì, xin được xác định chỗ nghi ấy.

Ánh sáng của Phật vượt hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hơn hẳn Thích, Phạm, che lấp các núi Già-ca-hòa, khiến tất cả đều thấy rõ ánh sáng của Phật. Thấy rõ ánh sáng của Phật thì con người không chỗ nào còn bị vướng mắc. Vì sao? Vì Phật không hề có một chút cấu uế. Nụ cười ấy thuộc về sự việc gì, cúi xin Ngài làm sáng tỏ điều ấy.

Phật bảo A-nan:

–Chiên-đàn-sư-lợi này đã cúng dường Như Lai phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, dần dà đến khi Duy-thủ-đà-duy-sa-da làm Phật thì sinh vào cõi nước của Phật ấy, làm Già-ca-việt-la, đưa đám gia thất, nô bộc đi theo, sẽ cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng kia. Phật kia Bát-nê-hoàn, đứa trẻ này sau đó noi theo Phật ấy ở nơi Già-ca-việt-la thọ mạng hết lại sinh lên cõi trời Đâu-thuật. Thọ mạng hết lại từ cõi Đâu-thuật sinh vào cõi nước của Phật kia, tự thành Phật, hiệu là Chiên-đàn-ky-tôn, sở hữu tất cả như Đức Phật trước không khác. Thọ mạng của Phật này theo chỗ sở thích, các Thanh văn, Bồ-tát cũng tùy sở thích. Từ chỗ của vua A-xà-thế, các Bồ-tát khác, tất cả đều nói:

Như Văn-thù-sư-lợi ở các phương diện cũng như Phật, không có không gian thời gian. Vì sao? Vì việc làm cùng với Phật không khác. Các Bồ-tát kia được sự chỉ dạy của Văn-thù-sư-lợi thì cũng không khác. Vì sao? Vì không sinh trở lại vào cõi ác, không sợ chúng ma, cũng không sợ tội, không chỗ nào bỏ cấu nhiễm. Hoặc nơi thành quách, quận, nước, huyện, ấp, hoặc ở chốn gò đồng, nếu có sự tu học pháp kia, thọ trì kinh ấy, đọc tụng biên chép thì thấy những người này phải như thấy Phật không khác. Ở nơi nào mà được nghe pháp thì phải nghĩ đây chính là nơi chốn của Phật.

Phật bảo các Bồ-tát:

–Xét kỹ thì đúng như lời A-nan đã nói. Vì sao?

Về thời quá khứ xa xưa vô số a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Phật tên là Đề-hòa-kiệt đã thọ ký cho ta khi ta phát tâm Bồ-đề để cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng và thành Phật. Ta lấy tóc trải lên đất thỉnh Như Lai đi chân lên đó, chính nhờ công đức này mà được lời thọ ký: “Ông trải qua a-tăng-kỳ kiếp về sau, sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Văn.”

Khi ấy, Phật Đề-hòa-kiệt nói với các Tỳ-kheo tăng:

–Về chỗ được thọ ký không phải vì chân giẫm lên tóc trải nơi đất. Vì sao? Vì đó chính là chỗ tinh thần vô cùng tôn kính. Chư Thiên, dân chúng tất cả cùng chung quy kính nơi chốn ấy. Ở đây có ai nên dựng tháp?

Ngay lúc ấy, tám mươi ức Thiên tử đều nghĩ: “Ta muốn dựng ở đây”, thì có Ca-la-việt tên là Bạt-đà-điều, liền bạch rằng:

–Con muốn dựng tháp ở đây.

Liền khi ấy tạo dựng tháp bảy báu, trang nghiêm, đẹp đẽ. Sau khi tháp xây dựng xong, Ca-la-việt đến chỗ Phật Đề-hòa-kiệt bạch:

–Việc làm tháp đã hoàn thành xin được hỏi Như Lai phước đức dựng tháp kia như thế nào?

Phật Đề-hòa-kiệt nói:

–Nếu Bồ-tát ở nơi chốn đạt được pháp nhẫn viên mãn như bánh xe mà tạo dựng

tháp, thì phía dưới đi xuống tận biên vực của đất, chư Thiên, quỷ, thần, tất cả sẽ lấy đất kia để cúng dường thì đều như Xá-lợi không khác. Như vậy, chỗ nhận thọ ký của Bồ-tát nhất định đạt được pháp nhẫn, tròn như bánh xe, ở trong đầy bảy báu, trên lên đến cõi trời tam thập tam, đem bố thí Phật. Có người làm tháp này thì phước đức hơn hẳn trường hợp trên.

Vị Phật kia nói:

–Như ta thọ ký cho ma nạp này về sau làm Phật Thích-ca văn thì ông sẽ tạo dựng làm tháp này. Nhân công đức ấy nên sẽ theo Phật Thích-ca Văn mà được thọ ký là a-tăng-kỳ kiếp về sau sẽ thành Phật.

Phật nói với chúng hội:

–Có biết Ca-la-việt Bạt-đà-điều thời ấy chăng?

Các người dự hội chẳng ai biết được.

Phật liền dạy:

–Nay ở trong hội đây, ông Ca-la-việt tên là Tác-la-nhất-da-xà.

Ngay lúc ấy, Như Lai, thọ ký cho Tác-la-nhất-da-xà:

–Ông sẽ làm Phật, hiệu là Tu-đà-phiến (*theo Hán thì tên gọi là Quyết Kiến*).

Phật lại dạy:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà dốc sức biên chép kinh này hoặc đọc tụng vì mọi người giảng giải về pháp xứ kia viên mãn như bánh xe, các thứ cát bụi, dưới thì tận cùng biên vực của đất, trên thì đến trời Tam thập tam. Kể trí kia chỉ lấy một hạt bụi để cúng dường tháp. Vì sao? Vì Bồ-tát từ pháp này mà được nhẫn.

Phật dạy:

–Kẻ nam, người nữ nào đem bảy báu làm đầy khắp tam thiên đại thiên cõi Phật, ngày ba lần đem các báu ấy mà bố thí chỉ chuyên nghĩ về việc việc bố thí kia thực hành trong trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc lại đến trăm ngàn kiếp. Những ai nhất tâm đọc tụng phẩm A-xà-thế này, hoặc kính cẩn, hoặc tôn thờ, hoặc thọ trì đọc tụng vì tất cả mà thuyết giảng giải thích chỗ trí tuệ trong kinh ấy. Những ai hưởng lòng tin đến kinh thì cũng không khác. Phước này vượt hơn việc làm bố thí với công đức như trên. Người nam, kẻ nữ nào trong trăm kiếp gìn giữ giới tịnh nhưng vừa nghe pháp này, tâm tin, vui, mừng thì phước kia hơn hẳn chỗ giới tịnh ấy với công đức như trên. Tuy làm người bị đánh, đập mắng, chửi trăm kiếp mà tâm không hề giận dữ thì đấy là nhẫn nhục. Những ai nghe pháp này, hưởng sự tin tưởng vào việc hành nhẫn thì phước đức hơn hẳn chỗ nhẫn nhục với công đức như trên. Những ai trong trăm kiếp mà tinh tấn, cung kính, phụng sự mọi người, không cho đó là việc cực khổ, cũng không tiếc thân mạng và những ai nghe, tin pháp này, làm cho mọi người hiểu rõ sự việc trong kinh, thì phước ấy hơn hẳn sự tinh tấn như trên. Những ai đem thân trong trăm kiếp hành trì Thiền, không bằng đem pháp này giáo hóa mọi người, thì công đức kia hơn hẳn việc hành trì thiền như trên. Nếu có trăm kiếp tu tập trí tuệ nhưng nghe pháp này hiểu rõ tâm vốn thanh tịnh thì công đức ấy hơn hẳn trường hợp trên đây.

Các Bồ-tát đều bạch Phật:

–Chúng con đều sẽ dốc sức phụng hành, đạt đến các cõi Phật rồi sẽ đem pháp mà giáo hóa con người.

Phật nói với các Bồ-tát:

–Các ông dốc lòng phụng hành giáo pháp. Tất cả việc làm của các ông đều như Phật không khác. Vì sao? Vì hành pháp ấy mới hiểu rõ Phật sự.

Tất cả các Bồ-tát đến hội đều dùng hoa cúng dường, tung lên chỗ Như Lai, biến khắp cả cõi tam thiên đại thiên. Chư Bồ-tát mỗi người tự nói lên pháp này thật sự là tôn quý. Mong pháp của Phật Thích-ca Văn giảng nói, sẽ tồn tại lâu dài nơi cõi Diêm-phù-lợi để đem lại sự sáng suốt.

Văn-thù-sư-lợi luôn sẽ an trụ lâu dài. Vì sao? Vì thường phải theo dõi lắng nghe pháp thâm diệu.

Các Bồ-tát nói:

–Dù phải nát thân này cũng chưa đủ để báo đáp ân kia.

Phật dạy:

– Kẻ nam, người nữ nào theo người khác nghe pháp này thì không đem thân báo ân kia. Muốn thấy Như Lai thì nhìn vào người nam, kẻ nữ kia, xem họ đã nghe được pháp nơi chốn nào, phải cúng dường họ như Phật. Những ai có lòng tin vào pháp này thì nhìn họ như thấy Phật.

Các Bồ-tát đều từ tòa ngồi đứng lên tác lễ Phật Thích-ca văn. Trong thoáng chốc, ở đây không còn thấy Bồ-tát. Mỗi vị đều trở về lại cõi của mình. Do pháp này mà tự ở nơi trú xứ vì tất cả mọi người giảng nói đầy đủ, nói lên được chỗ trí tuệ này. Người nghe pháp này thì nhiều vô số, họ đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Giác ngộ vô thượng.

Phật nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Nắm giữ được pháp này thì phải dốc tâm đọc tụng, phải vì tất cả mọi người nói sự việc kia một cách rộng rãi, phải thể hiện tâm từ bi cả trên trời lẫn dưới trời và cùng tất cả mọi nơi chốn.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Về thời quá khứ, từ các trụ xứ của Phật, con đã nghe pháp này. Gìn giữ, đọc tụng, nay lại nghe pháp này, nên cũng phải vì tất cả mà thuyết giảng rộng rãi. Mặc dù Như Lai Bát-nê-hoàn, sau đó, con ở cõi trời Đâu-thuật, song người nữ, kẻ nam nào muốn học pháp này, con đều khuyến khích, giúp đỡ bảo hộ họ. Vào đời sau cùng, khi tất cả pháp sắp chấm dứt, nếu có kẻ nào nghe được pháp kia, nơi chốn nào có kinh này, thì biết rằng đó đều là chỗ bảo hộ của con. Hoặc có ma trong đạo nhằm hủy hoại chánh pháp thì con phải hộ trì, khiến ma không thể dễ dàng phá hoại.

Phật nói với Thích Đê-hoàn Nhân:

–Phải gìn giữ kinh này, đọc tụng, dứt hết các hồ nghi. Nếu A-tu-luân dấy động khởi binh, muốn đến tấn công Thiên chủ thì nên niệm kinh này tất được thắng lợi, quân binh của A-tu-luân liền bị đẩy lùi.

Phật lại dạy:

–Nếu có quận, nước, huyện, ấp, gò, hoặc chốn đóng nơi nào phụng thờ kinh này thì đều phải đến hộ trì. Ai gặp phải nạn quan quyền, hoặc phải đến cửa quan thì nên niệm kinh này. Đi trong chốn giặc cướp thì phải niệm kinh này. Hoặc bị giặc cướp bắt đánh thì phải niệm kinh này. Hoặc tại đồng hoang quanh quẽ, nên niệm kinh này. Hoặc gặp oan gia, hoặc cùng với oan gia đắc ý, thì nên niệm kinh này. Ai có lòng chí thành đối với pháp ấy thì không điều gì mà không được thuận lợi.

Phật bảo A-nan:

–Gìn giữ kinh này, dốc tâm đọc tụng, lại vì tất cả mà thuyết giảng về pháp kia. Nếu có người nam, kẻ nữ, được nghe pháp này thì đều không còn hồ nghi. Các hồ nghi đã hoàn toàn hết thì cũng không còn chỗ che giấu tội, không còn bị sinh tử che lấp cũng không ở trong đạo rời xa chỗ che chở của pháp. Tất cả những ai tạo tác theo tà đạo thì

không còn làm theo nữa. Suốt đời không cùng với ma sự gặp nhau. Vì sao? Vì có được diệu dụng của sự nghe pháp ấy. Những ai đã tạo nghịch ác, nghe pháp này mà tín, vui, hoan hỷ thì dứt bỏ không còn tạo tác nghịch ác nữa, cũng không nhận tội nghịch, ác.

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Con chứng biết pháp này là nhờ Văn-thù-sư-lợi, khi thuyết giảng pháp ở chỗ thợ trai nơi cung điện của vua A-xà-thế, giải tỏa việc làm nghịch ác. Lúc ấy, được sự hoan hỷ, tín nhẫn đều từ việc giải tỏa hồ nghi. Nay con thuyết giảng pháp ấy ai có phạm tội nghịch ác thì theo pháp nhẫn này đều được giải thoát, cũng như vua A-xà-thế.

Ngay khi đó, Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Mọi người vốn đều thanh tịnh nhưng tự tạo sự trái ngược cho là ngã sở, phi ngã sở cũng không tự biết cái gốc thanh tịnh của mình, đều đem cái trong sạch kia tạo ra tội cho mình thì sự giải thoát không còn, như vua A-xà-thế. Đây là do cái ngu của mọi người, chỗ làm ngược lại để tự giết mình, do vậy mà nhận lấy nỗi khổ sở nhọc nhằn, liền vào Nê-lê.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Ai phụng thờ, tín, vui nơi pháp ấy, thì chúng ta chứng nhận cho họ không rơi vào đường ác.

Phật dạy:

–Như chỗ nêu bày của ông thì tất cả chư Phật, Bồ-tát tâm hoàn toàn thanh tịnh.

A-nan lại bạch Phật:

–Cúi xin Như Lai khiến cho người đời sau luôn gặp được pháp này.

Như Lai lúc ấy, từ tướng thân phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp vô số cõi Phật. Các thành tường, cây cối đều phát ra âm thanh. Pháp kia phải là như thế. Vì sao? Vì hoặc kiếp hết, lửa cháy bốc lên, người nào được nghe thì tụ hội lại để nghe. Nếu đáng được nghe pháp này thì tuy đang ở trong biển cũng quay về để được nghe pháp này.

Phật bảo A-nan:

–Như nơi thành, tường, cây, cối, âm thanh của chúng phát ra có thể nghe được thì theo như lời Phật dạy mà xét, ai đã tạo công đức, đã hành pháp Đại thừa thì đời sau đều lại được nghe pháp ấy.

Khi thuyết giảng kinh này, chư Thiên và người gồm chín vạn sáu ngàn đều chứng đắc đạo Tu-đà-hoàn. Bảy vạn tám ngàn người đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, tám ngàn người chứng được đạo A-la-hán. Đất nơi tam thiên đại thiên đều chấn động đủ sáu cách. Mọi tối tăm đều thông mở, tất cả đều sáng lên. Các Thiên tử cõi Dục, các Thiên tử cõi Sắc, dùng vô số kỹ nhạc để cúng dường Phật, đều lấy hoa trời, hương trời tung lên chỗ Phật, cùng tỏ bày:

–“Gọi là pháp luân, thì những người nghe pháp này đã đạt đến cho chuyển pháp luân.” Các ngoại đạo nghe pháp này liền tự hiểu, nhân đấy khiến họ chịu khuất phục thì Bồ-tát nên ấn chứng cho họ. Những ai được ấn chứng ấy thì có thể tu tập đi đến đạo tràng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, vua A-xà-thế, chư Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi là phần căn bản, các Tôn giả, Thanh văn Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, A-nan là phần căn bản. Chư Thiên, Kiền-đà-la, mọi người nghe Phật thuyết giảng kinh rồi đều đến trước Phật cung kính đánh lễ và lui ra.

□